

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2024/HC-PT
Ngày 28-3-2024
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước
về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Phong Lưu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 806/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số I, đường K, Tổ B, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà V: Ông Cao Minh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số F, đường P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 12 năm 2022). (Có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An: Ông Đinh Văn S – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An: Ông Nguyễn Văn Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 36/GUQ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024). (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An:

- Ông Nguyễn Hoàng N – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. (Có mặt)
- Ông Nguyễn Văn C – Giám đốc Ban Q1. (Có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngọc V là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc V trình bày tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/12/2022 và thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc L trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 20/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử và tại Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT tuyên như sau:

1.1 Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện đã rút về việc đề nghị hủy Quyết định 3074/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T, tỉnh Long An về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Ngọc V.

1.2 Hủy một phần Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc “Chi trả bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đai, tài sản trên đất do thu hồi để xây dựng Cụm C tại xã N, huyện T” đối với phần bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, phần đất có nhà ở của bà Nguyễn Ngọc V.

1.3 Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An bồi thường bổ sung cho bà Nguyễn Ngọc V giá trị quyền sử dụng đất, phần có nhà ở của bà Nguyễn Ngọc V cũng như thực hiện chính sách đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 2 Điều 6 Nghị định 197/2004/CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

1.4 Các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện T gồm: Quyết định 4211/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 về thu hồi đất xây dựng Cụm C tại xã N, huyện T; Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 30/6/2008 về chi trả tài sản trên đất và hỗ trợ tái định cư (bổ sung); Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 03/3/2011 về việc chi trả bồi thường bổ sung chênh lệch; Quyết định 3813/QĐ-UBND ngày 17/12/2008 về giải quyết đơn khiếu nại của công dân và Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 về đình chỉ Quyết định số 3809 và Quyết định 2147 ban hành đúng quy định pháp luật.

Thực hiện Bản án Hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020, UBND huyện T đã ban hành các văn bản sau:

Quyết định số 7833/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử dụng đất trong dự án Khu Công nghiệp H cho bà V số tiền 320.824.000đ.

Quyết định số 7730/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về phê duyệt phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 của Hội đồng bồi thường dự án.

Phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 của Hội đồng bồi thường dự án về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử dụng đất đối với trường hợp bà Nguyễn Ngọc V thuộc dự án Khu Công nghiệp H trên địa bàn xã N.

Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung ban hành kèm theo Phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021.

Ngày 27/12/2022 UBND huyện T đã công bố và bàn giao các văn bản trên cho bà Nguyễn Ngọc V.

Qua xem xét các văn bản, quyết định bồi thường bổ sung nêu trên, thấy phía UBND huyện T chưa thực hiện đúng nội dung Bản án số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao và việc bồi hoàn cũng không đúng quy định pháp luật đất đai, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà V, cụ thể như sau:

Tại Phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 và Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung đều thể hiện UBND huyện T chỉ đồng ý bồi thường bổ sung cho bà V diện tích 20m² theo đơn giá đất ở quy ra tiền là 26.040.000đ và đồng thời buộc bà V phải nhận tiền tái định cư lo chỗ ở mới 208.000.000đ mà không cho phép bà V được chuyển quyền nhận suất tái định cư bằng nền đất theo quy định.

Việc UBND huyện T chỉ công nhận bồi thường 20m² đất ở cho bà V là thực hiện không đúng quy định pháp luật đất đai về hạn mức bồi thường đất ở khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 4 Điều 5 và khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Việc UBND huyện T không bố trí tái định cư bằng nền đất cho bà V cũng là không đúng với Điều 34, Điều 37 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Căn cứ các quy định của pháp luật nói trên trường hợp của bà V đủ điều kiện được bồi thường 600m² theo loại đất ở và được bố trí tái định cư bằng 2 nền đất do bị thu hồi toàn bộ đất ở nhưng UBND huyện T chỉ bồi hoàn cho bà V 20m² đất ở và bố trí 01 nền tái định cư quy ra tiền là không đúng pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà V.

Bà Nguyễn Ngọc V khởi kiện yêu cầu xem xét:

Hủy bỏ Quyết định số 7833/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 và Quyết định số 7730/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến tại Văn bản số 3436/UBND-NC ngày 09/6/2023 như sau:

Theo Báo cáo số 138/BC-TNMT ngày 29/5/2023, của Phòng T1 về việc đề nghị cung cấp thông tin theo Thông báo số 26/2023/TLST- HC ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An,

Theo Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Hủy một phần Quyết định số 3809 ngày 16/11/2007 của UBND huyện T về chi trả bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đai tài sản trên đất do thu hồi để xây dựng cụm công nghiệp Nhị Thành đối với phần phần đất có nhà của bà Nguyễn Ngọc V

- Buộc UBND huyện T thực hiện theo trình tự để thu hồi, bồi thường bổ sung giá trị quyền sử dụng đất, phần đất có nhà ở của bà Nguyễn Ngọc V và thực hiện các chính sách về đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 5 và khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và khoản 2 Điều 6 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Về quá trình thi hành bản án.

- Ngày 16/12/2021, UBND huyện T đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung giá trị quyền sử dụng đất và ban hành Quyết định chi trả bổ sung cho bà V. Cụ thể diện tích đất bồi thường chênh lệch đất ở là 20m² về tái định cư với hình thức là bằng tiền với số tiền là 208.000.000đ;

- Ngày 27/12/2021 Ban Q1 đã công bố các quyết định trên cho người dân, nhưng qua công bố người dân chưa đồng ý với diện tích đất bồi thường và tái định cư bằng lô đất;

- Ngày 10/01/2022 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 45/TANDCC giải thích Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 16/3/2022 UBND huyện đã tổ chức họp để thống nhất phương án bồi thường quyền sử dụng đất cho bà V có mời đại diện Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân huyện tham dự (Thông báo số 1863/TB-UBND ngày 24/3/2022);

- Ngày 20/9/2022 UBND huyện T có Báo cáo số 6831/BC-UBND báo cáo kết quả thi hành án năm 2022 gửi Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An kèm theo Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT (sau đây viết tắt là Bản án số 701) ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung như sau:

Về diện tích đất: Khi thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xem xét, xác định diện tích quyền sử dụng đất, phải có nhà ở của bà Nguyễn Ngọc V bị thu hồi để tính giá trị bồi thường trong vụ án này theo hạn mức giao đất ở nông thôn, công nhận quyền sử dụng đất ở tại khu vực III (N, T) và được xác định mức cao nhất là 300m². Ngoài ra số nhân khẩu trong hộ bà V từ 05 nhân khẩu trở lên thì từ nhân khẩu thứ 05 trở lên mỗi nhân khẩu được công nhận đất ở tăng thêm tại

khu vực III, được xác định theo mức cao nhất là 75m². Nhưng tổng diện tích được công nhận đất ở không được vượt quá diện tích thửa đất đang sử dụng; phần diện tích còn lại được xác định theo hiện trạng. Những nội dung này được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 4; điểm c khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L, quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Long An. Tuy nhiên căn cứ khoản 2 Điều 1, Điều 2 của Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L thì quy định trên áp dụng đối với trường hợp đất đang quản lý sử dụng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với trường hợp của bà Nguyễn Ngọc V diện tích đất thu hồi là 7.042m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất là đất nông nghiệp. Mặt khác, theo hồ sơ kê biên của dự án thì trường hợp bà V hiện trạng chỉ có san nền là 80m² trên tổng diện tích đất bà đang quản lý sử dụng. Do đó việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị UBND huyện T phải căn cứ vào hạn mức giao đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở tại khu vực III xã Nhị Thành, được xác định theo mức cao nhất là 300m². Ngoài ra, trường hợp số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình bà Nguyễn Ngọc V sử dụng đất từ năm nhân khẩu trở lên thì từ nhân khẩu thứ 05 cứ mỗi nhân khẩu được công nhận đất ở mức cao nhất là 75m² theo quan điểm của UBND huyện là chưa phù hợp.

Về tái định cư: Đề nghị UBND huyện T lấy ý kiến, trao đổi và thỏa thuận với người bị thu hồi đất, chủ đầu tư để xem xét áp dụng mức giá đất nền tái định cư (theo giá thị trường tại thời điểm thực hiện chi trả tiền) khi chuyển đổi hình thức hỗ trợ tái định cư bằng tiền. Tuy nhiên, đối với trường hợp bà V theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện T đối với trường hợp bà Nguyễn Ngọc V (thực hiện theo bản án số 701) trong đó chính sách tái định cư do quỹ đất tái định cư của dự án không còn để bố trí cho bà V nên huyện áp dụng là tái định cư bằng tiền với giá trị là 208.000.000đ. Được UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 7901/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 do đó việc Tòa án đề nghị UBND huyện T thỏa thuận với người dân theo giá thị trường tại thời điểm thực hiện việc chi trả tiền là chưa phù hợp.

Do Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 và Văn bản số 45/TANDCC ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành huyện phải có trách nhiệm thi hành ngay. Theo nội dung của Văn bản số 940/TANDCC ngày 28/7/2022 về việc giải thích Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, UBND huyện nhận thấy có nội dung chưa rõ, chủ đầu tư chưa thống nhất thực hiện theo Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020. Căn cứ vào tài liệu hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo quy định.

Ngày 13/02/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và lập biên bản không đối thoại được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2023/HC-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã áp dụng: các Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 4 Điều 5 và khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 34, Điều 37 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điều 17 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc V đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc “yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

1.1. Hủy Quyết định số 7833/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử dụng đất trong dự án KCN H cho bà V.

1.2. Hủy Quyết định số 7730/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện T về phê duyệt phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 của Hội đồng bồi thường dự án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Ngọc V có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không thỏa đáng, chưa đánh giá toàn bộ và khách quan các chứng cứ do người khởi kiện cung cấp, đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng sửa Bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện, vì cho rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy các Quyết định của UBND huyện T, tỉnh Long An là đúng, nhưng phần nhận định tại mục [7.4] của bản án sơ thẩm là trái với Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 đã có hiệu lực pháp luật và đã được giải thích bằng Văn bản số 45/TANDCC ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm buộc UBND huyện T, tỉnh Long An bồi thường cho bà V bằng 600m² đất ở và bố trí bằng hai nền tái định cư, trường hợp không có nền tái định cư để bố trí thì phải bồi thường bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm chi trả tiền trên cơ sở thỏa thuận với bà V.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N1 bị kiện phát biểu tranh luận: Việc thi hành Bản án hành chính phúc thẩm số: 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 và Văn bản số 45/TANDCC ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải thích bản án thì phía UBND huyện T chưa thống nhất. Bởi vì, trường hợp của bà Nguyễn Ngọc V diện tích đất thu hồi là 7.042m² đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất là đất nông nghiệp. Mặt khác, theo hồ sơ kê biên của dự án thì trường hợp bà V hiện trạng chỉ có san nền là 80m² trên tổng diện tích đất bà đang quản lý sử dụng. Do đó việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị UBND huyện T phải căn cứ vào hạn mức giao đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở tại khu vực III xã Nhị Thành, được xác định theo mức cao nhất là 300m². Ngoài ra, trường hợp số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình bà Nguyễn Ngọc V sử dụng đất từ năm (05) nhân khẩu trở lên thì từ nhân khẩu thứ 05 cứ mỗi nhân khẩu được công nhận đất ở mức cao nhất là 75m² theo quan điểm của UBND huyện là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy các Quyết định của UBND huyện T, tỉnh Long An là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, phần nhận định của cấp sơ thẩm tại mục [7.4] là trái với Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 đã có hiệu lực pháp luật và đã được giải thích bằng Văn bản số 45/TANDCC ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị Hội đồng xét xử nhận định lại cho đúng. Đối với yêu cầu UBND huyện T, tỉnh Long An bồi thường cho bà V bằng 600m² đất ở và bố trí bằng hai nền tái định cư, trường hợp không có nền tái định cư để bố trí thì phải bồi thường bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm chi trả tiền trên cơ sở thỏa thuận với bà V là việc của cơ quan hành chính Nhà nước nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà V về vấn đề này. Trên cơ sở đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 8 năm 2023 bà Nguyễn Ngọc V là Người khởi kiện làm Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Ngọc V khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số: 7833/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử

dụng đất trong dự án Khu Công nghiệp H cho bà V số tiền 320.824.000đ và Quyết định số: 7730/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về phê duyệt Phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 của Hội đồng bồi thường dự án năm 2021 của UBND huyện T, tỉnh Long An vì cho rằng UBND huyện T đã không thực hiện đúng Bản án hành chính sơ thẩm số: 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực là xâm phạm quyền lợi của bà. Các Quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An, ông Đinh Văn S; người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An ông Nguyễn Văn Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Ngày 16/12/2021, UBND huyện T, tỉnh Long An ban hành Quyết định số: 7730/QĐ-UBND về “Phê duyệt Phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử dụng đất đối với trường hợp bà Nguyễn Ngọc V thuộc dự án Khu công nghiệp H trên địa bàn xã N, huyện T” (sau đây viết tắt là Quyết định số 7730). Trong đó UBND huyện T có căn cứ vào Bản án Hành chính phúc thẩm số: 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/12/2021, UBND huyện T, tỉnh Long An ban hành Quyết định số: 7833/QĐ-UBND “về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử dụng đất dự án Khu công nghiệp H trên địa bàn xã N, huyện T” (sau đây viết tắt là Quyết định số 7833) đã chi trả cho bà Nguyễn Ngọc V số tiền 320.824.000 đồng. Trong đó bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất số tiền 26.040.000 đồng, bồi thường tài sản trên đất số tiền 843.000 đồng, các khoản hỗ trợ 294.784.000 đồng.

[4.2] Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 đã có hiệu lực pháp luật và đã được giải thích bằng Văn bản số 45/TANDCC ngày 10/01/2022, Văn bản số 940/TANDCC ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có xác định rõ “*Xét thấy mặc dù trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Ngọc V là đất nông nghiệp nhưng bà V xây dựng nhà với mục đích để ở và được xây dựng trước ngày 01/7/2004 là ngày Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành, khi xây dựng cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 5; khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 2 Điều 6 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì phân đất*

có nhà và tài sản trên đất phải được xem xét theo đúng mục đích sử dụng đất là đất ở... Vì vậy, đề nghị UBND huyện T khi thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xem xét, xác định diện tích quyền sử dụng đất, phần có nhà ở của bà Nguyễn Ngọc V bị thu hồi để tính giá trị bồi thường trong vụ án này theo hạn mức giao đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở tại khu vực III (xã N, huyện T) và được xác định theo mức cao nhất là 300m². Ngoài ra số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình bà Nguyễn Ngọc V sử dụng đất từ năm (05) nhân khẩu trở lên thì từ nhân khẩu thứ 05 trở lên cứ mỗi nhân khẩu được công nhận đất ở tăng thêm tại khu vực III, được xác định theo mức cao nhất là 75m². Nhưng tổng diện tích được công nhận đất ở không được vượt quá diện tích thửa đất đang sử dụng”.

Tuy nhiên, Quyết định số 7833 và Quyết định số 7730 về phê duyệt Phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 chỉ bồi thường bổ sung quyền sử dụng đất, đồng thời xác định diện tích phần có nhà ở là 20m² là không chính xác theo quy định tại khoản 4 Điều 5; khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 2 Điều 6 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và tinh thần Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy cả hai Quyết định nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phần [7.4] của Bản án hành chính sơ thẩm có nhận định “Tuy nhiên, theo hồ sơ kê biên của dự án, hiện trạng bà V san nền là 80m² trên tổng diện tích 7.042m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất là đất nông nghiệp. Mặc dù, không thể căn cứ vào hạn mức giao đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở tại khu vực III xã Nhị Thành để xác định theo mức cao nhất là 300m² nhưng theo hồ sơ kê biên của dự án thì UBND huyện T chỉ bồi hoàn cho bà V 20m² đất ở là chưa phù hợp, chưa đảm bảo quyền lợi của bà V”. Nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà V không đủ điều kiện để được bồi thường diện tích đất ở theo hạn mức giao đất ở tại địa phương là trái với nội dung của Bản án hành chính phúc thẩm số 701/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, như nhận định tại phần [4.2] Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho đúng.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc V yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện T, tỉnh Long An phải bồi thường cho bà 600m² và bố trí bằng 02 nền tái định cư. Hội đồng xét xử xét thấy việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ về bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính Nhà nước nên yêu cầu này không được chấp nhận.

[7] Tại phần Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm tuyên hủy hai Quyết định số 7833 và Quyết định số 7730 nhưng không buộc UBND huyện T, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật là có thiếu sót, Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp.

[8] Vì yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc V không được chấp nhận, những sai sót trong phần nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã được

khắc phục, cả hai Quyết định số 7833 và Quyết định số 7730 đã bị hủy nên về bản chất vụ án không thay đổi nên không cần thiết sửa Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm, có điều chỉnh lại cho phù hợp. Nhận định của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Vì yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[10] Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc V.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 84/2023/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 143, Điều 165 và Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 53, Điều 74, Điều 71, Điều 75 và Điều 86 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc V đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

1.1 Hủy Quyết định số: 7730/QĐ-UBND về “Phê duyệt Phương án số 147A/PA-HĐBT ngày 08/12/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử dụng đất đối với trường hợp bà Nguyễn Ngọc V thuộc dự án Khu công nghiệp H trên địa bàn xã N, huyện T” ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

1.2 Hủy Quyết định số: 7833/QĐ-UBND “về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung quyền sử dụng đất dự án Khu công nghiệp H trên địa bàn xã N, huyện T” ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

1.3 Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An thực hiện lại nhiệm vụ, công vụ cụ thể đối với bà Nguyễn Ngọc V trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc V chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000020 ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Bà V đã đóng xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú